

PHẦN VĂN BẢN QUY PHẠM PHÁP LUẬT**CHÍNH PHỦ****CHÍNH PHỦ****CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM****Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Số: 33/2014/NĐ-CP

Hà Nội, ngày 26 tháng 4 năm 2014

NGHỊ ĐỊNH**Về tổ chức và hoạt động của Thanh tra quốc phòng***Căn cứ Luật Tổ chức Chính phủ ngày 25 tháng 12 năm 2001;**Căn cứ Luật Thanh tra ngày 15 tháng 11 năm 2010;**Căn cứ Luật Sĩ quan Quân đội nhân dân Việt Nam ngày 21 tháng 12 năm 1999 và Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Sĩ quan Quân đội nhân dân Việt Nam ngày 03 tháng 6 năm 2008;**Căn cứ Luật Cơ yếu ngày 26 tháng 11 năm 2011;**Theo đề nghị của Bộ trưởng Bộ Quốc phòng,**Chính phủ ban hành Nghị định về tổ chức và hoạt động của Thanh tra quốc phòng.***Chương I****QUY ĐỊNH CHUNG****Điều 1. Phạm vi điều chỉnh**

Nghị định này quy định về chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn, tổ chức và hoạt động của Thanh tra quốc phòng.

Điều 2. Đối tượng áp dụng

1. Cơ quan quản lý nhà nước, Thủ trưởng cơ quan quản lý nhà nước; cơ quan thanh tra và Thủ trưởng cơ quan thanh tra thuộc Bộ Quốc phòng; Trưởng đoàn thanh tra, Thanh tra viên và cộng tác viên Thanh tra quốc phòng; đối tượng thanh tra; cơ quan, tổ chức, đơn vị và cá nhân liên quan đến hoạt động của Thanh tra quốc phòng.

2. Cơ quan, tổ chức, cá nhân nước ngoài hoạt động trên lãnh thổ nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam có nghĩa vụ chấp hành quy định pháp luật về quốc phòng, cơ yếu của Việt Nam.

Trường hợp quy định của Nghị định này khác với quy định của điều ước quốc tế mà nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam là thành viên thì áp dụng quy định của điều ước quốc tế đó.

Điều 3. Chức năng, nhiệm vụ của Thanh tra quốc phòng

Thanh tra quốc phòng có trách nhiệm thực hiện và giúp cơ quan quản lý nhà nước có thẩm quyền cùng cấp thực hiện quản lý nhà nước về công tác thanh tra, giải quyết khiếu nại, tố cáo, tiếp công dân và phòng, chống tham nhũng; tiến hành thanh tra, giải quyết khiếu nại, tố cáo, tiếp công dân và phòng, chống tham nhũng theo quy định của pháp luật.

Điều 4. Đối tượng của Thanh tra quốc phòng

1. Các cơ quan, đơn vị, cá nhân thuộc thẩm quyền quản lý của Bộ Quốc phòng.
2. Cơ quan, tổ chức, cá nhân Việt Nam có nghĩa vụ chấp hành quy định pháp luật về quốc phòng, cơ yếu; thực hiện nhiệm vụ và các quy định về chuyên môn - kỹ thuật, các quy định quản lý trong lĩnh vực quốc phòng, cơ yếu.
3. Cơ quan, tổ chức, cá nhân nước ngoài hoạt động trên lãnh thổ nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam có liên quan đến pháp luật về quốc phòng, cơ yếu của Việt Nam.

Điều 5. Nội dung hoạt động Thanh tra quốc phòng

1. Thanh tra việc thực hiện chính sách, pháp luật, nhiệm vụ, quyền hạn, kế hoạch nhà nước về quốc phòng, cơ yếu; các quy định về chuyên môn - kỹ thuật, quy định quản lý trong lĩnh vực quốc phòng và cơ yếu đối với cơ quan, tổ chức, cá nhân thuộc thẩm quyền quản lý nhà nước của Bộ Quốc phòng.
2. Thanh tra việc thực hiện chính sách, pháp luật nhà nước, chấp hành nhiệm vụ, quyền hạn, mệnh lệnh, chỉ thị, quyết định của người chỉ huy đối với các cơ quan, đơn vị thuộc quyền người chỉ huy cùng cấp.
3. Tham mưu và giúp người chỉ huy cùng cấp tổ chức, quản lý và thực hiện nhiệm vụ giải quyết khiếu nại, tố cáo, tiếp công dân và phòng, chống tham nhũng theo quy định của pháp luật và quy định của Bộ Quốc phòng.
4. Kiến nghị cấp có thẩm quyền đình chỉ thi hành hoặc hủy bỏ các quy định ban hành trái với văn bản pháp luật về thanh tra.

Điều 6. Nguyên tắc hoạt động Thanh tra quốc phòng

1. Tuân theo pháp luật; điều lệnh, điều lệ, các quy định của Quân đội; quy chế, chế độ, quy định của ngành Cơ yếu; bảo đảm chính xác, khách quan, trung thực, công khai, dân chủ, kịp thời.
2. Không trùng lặp phạm vi, đối tượng, nội dung, thời gian thanh tra giữa các cơ quan thực hiện chức năng thanh tra; không làm cản trở hoạt động bình thường của cơ quan, đơn vị, tổ chức, cá nhân là đối tượng thanh tra.
3. Hoạt động thanh tra hành chính được tiến hành theo Đoàn thanh tra; hoạt động thanh tra chuyên ngành được tiến hành theo Đoàn thanh tra hoặc do Thanh tra viên tiến hành độc lập.

Điều 7. Môi quan hệ của Thanh tra quốc phòng

1. Thanh tra Bộ Quốc phòng chịu sự lãnh đạo của Quân ủy Trung ương, sự quản lý, chỉ huy của Bộ trưởng Bộ Quốc phòng và chịu sự chỉ đạo về công tác, hướng dẫn về tổ chức, nghiệp vụ của Thanh tra Chính phủ.

2. Thanh tra quốc phòng các cấp chịu sự lãnh đạo của cấp ủy đảng, sự quản lý, chỉ huy của người chỉ huy cùng cấp, sự chỉ đạo về công tác, hướng dẫn về nghiệp vụ của cơ quan Thanh tra quốc phòng cấp trên trực tiếp.

3. Quan hệ giữa cơ quan thanh tra trong Bộ Quốc phòng với các cơ quan, đơn vị chức năng thuộc Bộ Quốc phòng là quan hệ phối hợp để thực hiện nhiệm vụ được giao theo quy định của pháp luật và của Bộ Quốc phòng.

4. Quan hệ giữa cơ quan Thanh tra quốc phòng các cấp với các cơ quan thanh tra các bộ, ngành, địa phương là mối quan hệ phối hợp trong thực hiện nhiệm vụ thanh tra thuộc phạm vi quản lý nhà nước của Bộ Quốc phòng.

Điều 8. Hoạt động của các cơ quan, đơn vị không có cơ quan Thanh tra quốc phòng

1. Các cơ quan, đơn vị trong Quân đội từ cấp trung đoàn và tương đương trở lên không có cơ quan thanh tra thì người chỉ huy chịu trách nhiệm và phân công cán bộ thuộc quyền thực hiện một số nhiệm vụ trong công tác giải quyết khiếu nại, tố cáo, tiếp công dân và phòng, chống tham nhũng thuộc cơ quan, đơn vị.

2. Các đơn vị sự nghiệp và doanh nghiệp nhà nước trong Quân đội tổ chức Ban thanh tra nhân dân do Ban Chấp hành công đoàn cơ sở chịu trách nhiệm chỉ đạo hoạt động theo quy định của pháp luật về thanh tra.

Chương II **TỔ CHỨC, NHIỆM VỤ, QUYỀN HẠN** **CỦA THANH TRA QUỐC PHÒNG**

Điều 9. Tổ chức Thanh tra quốc phòng

1. Các cơ quan Thanh tra quốc phòng, bao gồm:

- a) Thanh tra Bộ Quốc phòng (sau đây gọi là Thanh tra Bộ);
- b) Thanh tra quốc phòng quân khu;
- c) Thanh tra Bộ Tổng Tham mưu, Tổng cục Chính trị và các tổng cục;
- d) Thanh tra Cơ yếu;
- đ) Thanh tra quân chủng;
- e) Thanh tra Bộ đội Biên phòng;
- g) Thanh tra quốc phòng Bộ Tư lệnh Thủ đô Hà Nội; Thanh tra quốc phòng Bộ Tư lệnh Thành phố Hồ Chí Minh; Thanh tra quốc phòng tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương (sau đây gọi là Thanh tra quốc phòng cấp tỉnh);
- h) Thanh tra quân đoàn, binh chủng và tương đương.

2. Tổ chức, biên chế, trang bị của Thanh tra quốc phòng các cấp do Bộ trưởng Bộ Quốc phòng quy định.

3. Việc bổ nhiệm, miễn nhiệm, cách chức Chánh Thanh tra, Phó Chánh Thanh tra và các chức danh khác đối với Thanh tra quốc phòng các cấp thực hiện theo Luật Sĩ quan Quân đội nhân dân Việt Nam, Luật Thanh tra và các quy định khác của pháp luật có liên quan.

4. Cơ quan Thanh tra quốc phòng các cấp có con dấu và tài khoản riêng theo quy định của pháp luật.

Điều 10. Thanh tra Bộ

1. Thanh tra Bộ là cơ quan của Bộ Quốc phòng, giúp Bộ trưởng Bộ Quốc phòng quản lý nhà nước về công tác thanh tra, giải quyết khiếu nại, tố cáo, tiếp công dân và phòng, chống tham nhũng; tiến hành thanh tra hành chính đối với cơ quan, đơn vị, cá nhân thuộc phạm vi quản lý của Bộ Quốc phòng; tiến hành thanh tra chuyên ngành đối với cơ quan, tổ chức, cá nhân thuộc phạm vi quản lý nhà nước về lĩnh vực quốc phòng của Bộ Quốc phòng; giải quyết khiếu nại, tố cáo, tiếp công dân và phòng, chống tham nhũng theo quy định của pháp luật.

2. Thanh tra Bộ có Chánh Thanh tra, Phó Chánh Thanh tra và Thanh tra viên.

Chánh Thanh tra Bộ do Bộ trưởng Bộ Quốc phòng bổ nhiệm, miễn nhiệm, cách chức sau khi thống nhất với Tổng Thanh tra Chính phủ.

Phó Chánh Thanh tra Bộ giúp Chánh Thanh tra Bộ thực hiện nhiệm vụ theo sự phân công của Chánh Thanh tra Bộ.

Điều 11. Nhiệm vụ, quyền hạn của Thanh tra Bộ

1. Trong quản lý nhà nước về thanh tra thuộc phạm vi quản lý nhà nước của Bộ Quốc phòng, Thanh tra Bộ có nhiệm vụ, quyền hạn sau đây:

a) Xây dựng kế hoạch thanh tra trình Bộ trưởng Bộ Quốc phòng phê duyệt; tổ chức thực hiện kế hoạch thanh tra thuộc trách nhiệm của Thanh tra Bộ; hướng dẫn, kiểm tra, đôn đốc việc xây dựng và thực hiện chương trình, kế hoạch thanh tra của thanh tra các cơ quan, đơn vị thuộc Bộ Quốc phòng;

b) Chỉ đạo công tác, hướng dẫn, bồi dưỡng về nghiệp vụ thanh tra đối với đội ngũ cán bộ Thanh tra quốc phòng các cấp; tham gia quản lý, sử dụng cán bộ thanh tra ở các cơ quan, đơn vị thuộc Bộ Quốc phòng; hướng dẫn, tuyên truyền, kiểm tra việc thực hiện pháp luật về thanh tra đối với các cơ quan, đơn vị thuộc quyền quản lý của Bộ Quốc phòng;

c) Yêu cầu Thủ trưởng các cơ quan, đơn vị được giao thực hiện chức năng thanh tra chuyên ngành thuộc Bộ Quốc phòng báo cáo về công tác thanh tra; tổng hợp, báo cáo kết quả về công tác thanh tra thuộc phạm vi quản lý nhà nước của Bộ Quốc phòng;

d) Theo dõi, đôn đốc, kiểm tra việc thực hiện các kết luận, kiến nghị, quyết định xử lý về thanh tra của Bộ trưởng Bộ Quốc phòng, Thanh tra Bộ;

đ) Thực hiện sơ kết, tổng kết, rút kinh nghiệm, thông tin, báo cáo, nghiên cứu khoa học, biên soạn tài liệu nghiệp vụ về công tác thanh tra quốc phòng.

2. Trong hoạt động thanh tra, Thanh tra Bộ có nhiệm vụ, quyền hạn sau đây:

a) Thanh tra hoặc phối hợp với Thanh tra các Bộ, ngành, địa phương tiến hành thanh tra việc thực hiện chính sách, pháp luật, nhiệm vụ, quyền hạn, kế hoạch nhà nước về quốc phòng; các quy định quản lý về quốc phòng, chuyên môn - kỹ thuật đối với cơ quan, đơn vị, tổ chức, cá nhân thuộc thẩm quyền quản lý nhà nước của Bộ Quốc phòng;

b) Thanh tra việc thực hiện chính sách, pháp luật, nhiệm vụ, quyền hạn, kế hoạch nhà nước về quốc phòng, các mệnh lệnh, chỉ thị, quyết định của Bộ trưởng Bộ Quốc phòng đối với các cơ quan, đơn vị, cá nhân thuộc quyền quản lý trực tiếp của Bộ Quốc phòng; thanh tra đối với các doanh nghiệp trong Quân đội do Bộ trưởng Bộ Quốc phòng quyết định thành lập;

c) Thanh tra vụ việc khác do Bộ trưởng Bộ Quốc phòng giao;

d) Kiểm tra tính chính xác, hợp pháp của các kết luận thanh tra và quyết định xử lý sau thanh tra của Thủ trưởng các cơ quan, đơn vị trực thuộc Bộ Quốc phòng khi cần thiết.

3. Giúp Bộ trưởng Bộ Quốc phòng quản lý nhà nước về công tác giải quyết khiếu nại, tố cáo, tiếp công dân; thực hiện nhiệm vụ giải quyết khiếu nại, tố cáo, tiếp công dân theo quy định của pháp luật.

4. Giúp Bộ trưởng Bộ Quốc phòng quản lý nhà nước về công tác phòng, chống tham nhũng; thực hiện nhiệm vụ phòng, chống tham nhũng theo quy định của pháp luật.

Điều 12. Nhiệm vụ, quyền hạn của Chánh Thanh tra Bộ

1. Chánh Thanh tra Bộ có nhiệm vụ sau đây:

a) Lãnh đạo, chỉ đạo, kiểm tra công tác thanh tra trong phạm vi quản lý nhà nước của Bộ Quốc phòng; lãnh đạo, chỉ huy Thanh tra Bộ thực hiện nhiệm vụ, quyền hạn theo quy định tại Điều 11 Nghị định này và thực hiện các nhiệm vụ, quyền hạn khác theo quy định của pháp luật về thanh tra, Điều lệnh Quản lý bộ đội Quân đội nhân dân Việt Nam, các văn bản pháp luật khác có liên quan;

b) Chủ trì xử lý việc chồng chéo về phạm vi, đối tượng, nội dung, thời gian thanh tra trong phạm vi quản lý nhà nước của Bộ Quốc phòng.

2. Chánh Thanh tra Bộ có quyền hạn sau đây:

a) Quyết định việc thanh tra khi phát hiện có dấu hiệu vi phạm pháp luật và chịu trách nhiệm trước Bộ trưởng Bộ Quốc phòng về quyết định của mình;